

Số: /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thực hiện Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thực hiện Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Hồ sơ khoản chi được tính vào chi phí được trừ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Hồ sơ áp dụng ưu đãi thuế đối với các trường hợp quy định tại các Điều 4, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Hồ sơ kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài.

4. Thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong một số trường hợp.

5. Việc xác định nghĩa vụ thuế và kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

6. Hồ sơ xác định thời điểm hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư đã đăng ký đối với dự án đầu tư mở rộng quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Mẫu Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

1. Người nộp thuế quy định tại Điều 2 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Cơ quan quản lý thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hồ sơ khoản chi được tính vào chi phí được trừ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Hồ sơ khoản chi cho thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác gồm: Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác; Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành về việc doanh nghiệp đã thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

2. Hồ sơ khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp gồm: Quyết định thành lập tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; Văn bản đề nghị hỗ trợ của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

3. Hồ sơ khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động quy định tại điểm d3 khoản 1 Điều 9 Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh

nghiệp gồm: Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tài chính hoặc Quy chế hoạt động của doanh nghiệp có quy định về hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động; Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp phê duyệt danh sách người lao động tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp; hồ sơ đăng ký học của người lao động; Biên bản xác nhận người lao động tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

4. Hồ sơ khoản chi thực tế cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nơi làm việc của doanh nghiệp quy định tại điểm d4 khoản 1 Điều 9 Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp gồm: Quy chế phòng, chống HIV/AIDS nơi làm việc của doanh nghiệp; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

5. Hồ sơ khoản tài trợ cho giáo dục, y tế, văn hóa; khoản tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật; khoản tài trợ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:

a) Đối với khoản tài trợ cho giáo dục, hồ sơ gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, đại diện của cơ sở giáo dục hợp pháp là đơn vị nhận tài trợ, học sinh, sinh viên (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) nhận tài trợ; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

b) Đối với khoản tài trợ cho y tế, văn hóa hồ sơ gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, đại diện của đơn vị nhận tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ); hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

c) Đối với khoản tài trợ cho việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, hồ sơ gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, đại diện của tổ chức bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là đơn vị nhận tài trợ; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

d) Đối với khoản tài trợ làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật, hồ sơ gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ)

là bên nhận tài trợ; Văn bản xác nhận là đối tượng chính sách do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành cấp; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

đ) Đối với khoản tài trợ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hồ sơ gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ; người được hưởng tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là bên nhận tài trợ; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

e) Đối với khoản tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, hồ sơ gồm: Biên bản xác nhận tài trợ hoặc văn bản, tài liệu xác nhận khoản chi tài trợ có chữ ký, đóng dấu của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ và đại diện của bên nhận tài trợ (trong trường hợp là doanh nghiệp, tổ chức); có chữ ký của bên nhận tài trợ trong trường hợp là chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu bằng tiền).

g) Biên bản xác nhận tài trợ nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 5 Điều này theo mẫu số 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Hồ sơ khoản chi cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gồm: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Hợp đồng, biên bản bàn giao, nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kèm theo các tài liệu, hóa đơn, chứng từ có liên quan.

7. Hồ sơ phân giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.

a) Đối với tài sản, hàng hóa bị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh được tính vào chi phí được trừ, hồ sơ gồm:

- Biên bản kiểm kê giá trị tài sản, hàng hóa bị tổn thất do doanh nghiệp lập.

Biên bản kiểm kê giá trị tài sản, hàng hóa tổn thất phải xác định rõ giá trị tài sản, hàng hóa bị tổn thất, nguyên nhân tổn thất, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về những tổn thất; chủng loại, số lượng, giá trị tài sản, hàng hóa có thể thu hồi được (nếu có); bảng kê xuất nhập tồn hàng hóa bị tổn thất có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

b) Đối với hàng hóa bị hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hóa hết hạn sử dụng, không được bồi thường thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, hồ sơ gồm:

- Biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa bị hư hỏng do doanh nghiệp lập.

Biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa hư hỏng phải xác định rõ giá trị hàng hóa bị hư hỏng, nguyên nhân hư hỏng; chủng loại, số lượng, giá trị hàng hóa có thể thu hồi được (nếu có) kèm theo bảng kê xuất nhập tồn hàng hóa bị hư hỏng có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có).

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

8. Hồ sơ khoản chi thực tế cho người được biệt phái tham gia quản trị, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng gồm: Quyết định biệt phái của cơ quan có thẩm quyền; Văn bản chấp thuận/tiếp nhận biệt phái của tổ chức tín dụng nhận biệt phái; Hợp đồng, thỏa thuận (nếu có) giữa các bên liên quan; hóa đơn, chứng từ theo quy định.

9. Hồ sơ một số khoản chi phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng chưa tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ theo quy định của Chính phủ.

a) Đối với chi phí đấu thầu: Chi phí phải bỏ ra cho hoạt động tham gia đấu thầu nhưng không trúng thầu, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ mời thầu của bên mời thầu.

- Hồ sơ dự thầu khi tham gia đấu thầu gửi bên mời thầu.

- Các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản chi phí bỏ ra để hoàn thiện thủ tục, hồ sơ tham gia vào quá trình đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Đối với chi phí nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ chuẩn bị cho việc sản xuất sản phẩm, dịch vụ mới, chi phí đầu tư cho dự án phát triển sản phẩm, dịch vụ mới nhưng không thành công hoặc dừng triển khai, hồ sơ gồm: Báo cáo nghiên cứu về phát triển thị trường, phát triển về sản phẩm mới gửi các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo đúng quy định của pháp luật chuyên ngành; các hóa đơn, chứng từ có liên quan. Trường hợp pháp luật chuyên ngành không yêu cầu gửi báo cáo thì thực hiện lưu trữ báo cáo tại doanh nghiệp.

c) Đối với chi phí tiền thuê đất và chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng trả cho các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chi phí tiền thuê đất trả cho Nhà nước

đối với đất thuê của Nhà nước trong đó đất và cơ sở hạ tầng này phải là địa điểm, trụ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp chưa tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hồ sơ gồm:

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có).

- Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê đất, cơ sở hạ tầng, trong đó quy định rõ các khoản chi phí doanh nghiệp phải trả cho tiền thuê đất, chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng.

- Hóa đơn, chứng từ theo quy định.

d) Đối với chi phí khấu hao hoặc phân bổ dần vào chi phí theo quy định đối với tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê

Trường hợp doanh nghiệp có tài sản cho thuê nhưng chưa có khách thuê, nếu tài sản thuộc quyền sử hữu hợp pháp của doanh nghiệp thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi phí liên quan đến tài sản này trong thời gian chưa có khách thuê, hồ sơ gồm:

- Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp tài sản.

- Hồ sơ, sổ sách về quản lý và theo dõi hạch toán tài sản theo quy định khi cơ quan thuế yêu cầu.

đ) Đối với chi phí thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí khôi phục, đóng cửa doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp (không phải là các khoản chi đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định), hồ sơ gồm:

- Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; Quyết định đóng cửa/khôi phục doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc theo quy định pháp luật.

- Biên bản bàn giao hiện trạng trước và sau khi thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; trước và sau khi đóng cửa/khôi phục.

- Biên bản nghiệm thu việc thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; việc khôi phục/dóng cửa sau khi thực hiện.

- Có đầy đủ các hóa đơn, chứng từ theo quy định về khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc khôi phục, đóng cửa.

e) Đối với chi phí giới thiệu/marketing sản phẩm, dịch vụ mới trước khi bán hàng, hồ sơ gồm:

- Báo cáo về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm, dịch vụ mới gửi cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành không yêu cầu gửi báo cáo thì thực hiện lưu trữ báo cáo tại doanh nghiệp.

- Các hóa đơn, chứng từ theo quy định về khoản chi phí phát sinh liên quan đến giới thiệu/marketing sản phẩm, dịch vụ mới.

g) Đối với chi phí hủy hàng tồn kho hư hỏng, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hết hạn sử dụng, hàng không còn giá trị sử dụng, hàng không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường do quy định của các luật chuyên ngành; chi phí hủy nguyên liệu, vật tư, linh kiện không còn nhu cầu sử dụng, hồ sơ gồm:

- Biên bản kiểm kê giá trị hàng tồn kho hư hỏng, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hàng hết hạn sử dụng, hàng không còn giá trị sử dụng, hàng không đủ điều kiện lưu thông trên thị trường do quy định của các luật chuyên ngành; giá trị nguyên liệu, vật tư, linh kiện không còn nhu cầu sử dụng do doanh nghiệp lập, trong đó biên bản ghi rõ nguyên nhân, chủng loại, số lượng, giá trị hàng hóa, phương án xử lý đối với hàng hóa nêu trên và có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Biên bản thành lập hội đồng xử lý có sự tham gia của các phòng ban liên quan (kế toán, kho, kỹ thuật,...).

- Quyết định xử lý của hội đồng xử lý.

- Các hóa đơn, chứng từ theo quy định để xác định các khoản chi phí liên quan đến việc tiêu hủy hàng hóa nêu trên.

h) Đối với chi phí hủy tài sản do hư hỏng không còn nhu cầu sử dụng. Chi phí hủy tài sản tại điểm này bao gồm giá trị còn lại trên sổ sách tại doanh nghiệp và chi phí liên quan đến hoạt động hủy tài sản, hồ sơ gồm: Quyết định hủy tài sản do hư hỏng, không còn nhu cầu sử dụng của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp; Biên bản xác nhận tài sản hư hỏng, không còn nhu cầu sử dụng; hóa đơn, chứng từ theo quy định.

i) Chi phí hủy phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình gia công, sản xuất, hồ sơ gồm:

- Biên bản xác định chi phí phế liệu, phế phẩm phát sinh trong quá trình gia công, sản xuất do doanh nghiệp lập và có xác nhận do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Các hóa đơn, chứng từ theo quy định để xác định các khoản chi phí liên quan đến việc tiêu hủy hàng hóa nêu trên.

10. Hồ sơ khoản chi hỗ trợ xây dựng công trình công cộng, đồng thời phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Văn bản chấp thuận chủ trương hoặc phê duyệt dự án xây dựng công trình công cộng; Quyết

định đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác giữa doanh nghiệp và địa phương; hóa đơn, chứng từ theo quy định.

11. Hồ sơ chi phí liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hoà các - bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc thực hiện giảm phát thải khí nhà kính; Hồ sơ dự án/đề án liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính; hóa đơn, chứng từ theo quy định.

12. Hồ sơ khoản phải nộp vào các Quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ (bao gồm: Quỹ viễn thông công ích; Quỹ phòng, chống tác hại thuốc; Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam và các Quỹ được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của Chính phủ) gồm: Văn bản yêu cầu đóng góp của cơ quan có thẩm quyền; Biên bản xác nhận doanh nghiệp đóng góp vào các quỹ (nếu có); hóa đơn, chứng từ theo quy định.

13. Hồ sơ khoản chi đặc thù theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và điểm b, c khoản 1 Điều 9 Nghị định.

Đối với các trường hợp: mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rơm, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; mua đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng, hồ sơ gồm:

- Chứng từ chi trả tiền cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 5 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt).

- Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp kinh doanh ký và chịu trách nhiệm.

- Các chứng từ có liên quan khác (nếu có).

14. Hồ sơ khoản chi được tính vào chi phí được trừ quy định tại Điều này là bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp hoặc chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật.

15. Doanh nghiệp phải lưu giữ và cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến các khoản chi phí tại Điều này để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thủ tục, hồ sơ áp dụng ưu đãi thuế quy định tại các Điều 4, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ (-) vào thu nhập chịu thuế để kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế.

2. Trường hợp qua thanh tra, kiểm tra phát hiện và kết luận doanh nghiệp không đảm bảo các điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế thì cơ quan thuế xử lý truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định.

3. Hồ sơ được hưởng ưu đãi thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 5. Hồ sơ kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài

Hồ sơ đính kèm khi kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài bao gồm:

- Bản chụp Tờ khai thuế thu nhập ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế.

- Bản chụp chứng từ nộp thuế ở nước ngoài có xác nhận của người nộp thuế hoặc bản gốc xác nhận của cơ quan thuế nước ngoài về số thuế đã nộp hoặc bản chụp chứng từ có giá trị tương đương có xác nhận của người nộp thuế.

Điều 6. Thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong một số trường hợp

1. Đối với hàng hóa xuất khẩu, thời điểm xác định doanh thu tính thuế do bên bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo ngày chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms).

2. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác gồm: Trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm a khoản này), cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ bưu chính và chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ logistic, dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) được bán theo kỳ nhất định, dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyên tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên.

a) Đối với hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định căn cứ thời điểm về đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc hợp đồng mua bán điện đã được Bộ Công Thương hướng dẫn, phê duyệt nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế. Riêng hoạt động bán điện của các công ty phát điện có cam kết bảo lãnh của Chính phủ về thời điểm thanh toán thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ theo bảo lãnh của Chính phủ, hướng dẫn và phê duyệt của Bộ Công Thương và các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết giữa bên mua điện và bên bán điện.

b) Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ công nghệ thông tin (bao gồm dịch vụ trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin) phải thực hiện đối soát dữ liệu kết nối giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu về cước dịch vụ theo hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối.

Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng) thông qua bán thẻ trả trước, thu cước phí hòa mạng khi khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ mà khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn GTGT hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì cuối mỗi ngày hoặc định kỳ trong tháng, cơ sở kinh doanh dịch vụ lập chung một hóa đơn GTGT ghi nhận tổng doanh thu phát sinh theo từng dịch vụ người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế.

3. Đối với hoạt động vận tải hàng không là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua.

4. Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

5. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả đóng tàu, thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành hay phần công việc thực hiện bàn giao, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Điều 7. Việc xác định nghĩa vụ thuế và kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định tại điểm b2, b3, b4 khoản 2 Điều 2 Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu.

b) Tổ chức nước ngoài cung cấp hàng hoá tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ và hình thức khác (trừ trường hợp tổ chức nước ngoài bán hàng hóa và chuyển quyền sở hữu hàng hóa tại kho ngoại quan, cảng nội địa (ICD) để nhập khẩu vào Việt Nam hoặc để xuất khẩu ra nước ngoài và trường hợp doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa cho doanh nghiệp chế xuất khác theo chỉ định của tổ chức nước ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số...quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15) có phát sinh thu nhập tại Việt Nam trên cơ sở Hợp đồng ký giữa tổ chức nước ngoài với các doanh nghiệp tại Việt Nam (trừ trường hợp gia công và xuất trả hàng hóa cho tổ chức nước ngoài) hoặc thực hiện phân phối hàng hoá tại Việt Nam hoặc cung cấp hàng hoá theo điều kiện giao hàng của các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms mà người bán chịu rủi ro liên quan đến hàng hóa vào đến lãnh thổ Việt Nam.

c) Tổ chức nước ngoài thực hiện một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam trong đó tổ chức nước ngoài vẫn là chủ sở hữu đối với hàng hóa giao cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc chịu trách nhiệm về chi phí phân phối, quảng cáo, tiếp thị, chất lượng dịch vụ, chất lượng hàng hóa giao cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc ấn định giá bán hàng hóa hoặc giá cung ứng dịch vụ; bao gồm cả trường hợp uỷ quyền hoặc thuê một số tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện một phần dịch vụ phân phối, dịch vụ khác liên quan đến việc bán hàng hoá tại Việt Nam.

d) Tổ chức nước ngoài thông qua tổ chức, cá nhân Việt Nam để thực hiện việc đàm phán, ký kết các hợp đồng đứng tên tổ chức nước ngoài.

đ) Tổ chức nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, phân phối tại thị trường Việt Nam, mua hàng hoá để xuất khẩu, bán hàng hoá cho thương nhân Việt Nam theo pháp luật về thương mại và pháp luật về quản lý ngoại thương.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam quy định tại Điều này không áp dụng đối với:

a) Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình

thức giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc xuất khẩu hàng và giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu nước ngoài về đến Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán).

c) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới hình thức giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyên chở hàng từ cửa khẩu Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán).

d) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ sửa chữa (có bao gồm hoặc không bao gồm vật tư, thiết bị thay thế kèm theo) phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (kể cả đường cáp biển, thiết bị truyền dẫn) cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài.

đ) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ quảng cáo, tiếp thị (trừ quảng cáo, tiếp thị trên internet) cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài.

e) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ xúc tiến đầu tư và thương mại cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài.

g) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ môi giới bán hàng hóa, môi giới cung cấp dịch vụ ra nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài.

h) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ đào tạo (trừ đào tạo trực tuyến) cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài.

i) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp dịch vụ chia cước (cước thanh toán) dịch vụ, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài; dịch vụ thuê đường truyền dẫn và băng tần vệ tinh của nước ngoài theo quy định của Luật Viễn thông; dịch vụ chia cước (cước thanh toán) dịch vụ bưu chính quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài theo quy định của Luật Bưu chính, các điều ước quốc tế về Bưu chính mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia ký kết cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà các dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài.

k) Tổ chức nước ngoài sử dụng kho ngoại quan, cảng nội địa (ICD) làm kho hàng hóa để phụ trợ cho hoạt động vận tải quốc tế, quá cảnh, chuyển khẩu, lưu trữ hàng hoặc để cho doanh nghiệp khác gia công không thuộc điểm d khoản 1 Điều này.

l) Tổ chức nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác cho tổ chức, cá nhân Việt Nam mà việc cung cấp các hàng hóa, dịch vụ này được thực hiện ở nước ngoài và không tiêu dùng tại Việt Nam.

3. Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này xác định như sau:

a) Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là thu nhập phát sinh từ hoạt động cung cấp, phân phối hàng hoá; cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hoá tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).

b) Trường hợp hàng hoá được cung cấp dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hoá nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều này); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo một số dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như dịch vụ quảng cáo tiếp thị (marketing), hoạt động xúc tiến thương mại, dịch vụ sau bán hàng, dịch vụ lắp đặt, chạy thử, bảo hành, bảo dưỡng, thay thế và các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hoá (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là toàn bộ giá trị hàng hoá, dịch vụ.

c) Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này), có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

4. Cách xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu được xác định căn cứ theo doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tỷ lệ %. Trong đó, doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ doanh thu mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có) theo quy định tại Điều 8 Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số trường hợp cụ thể được xác định như sau:

a) Trường hợp theo thoả thuận tại hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ, doanh thu Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được

không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{tính thuế} \\ \text{thu nhập} \\ \text{doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp}}{1 - \text{Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế}}$$

b) Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc giao bớt một phần hạng mục được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc, giá trị hạng mục do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện trên cơ sở hợp đồng thầu phụ đã ký kết giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài.

Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các nhà cung cấp tại Việt Nam để mua nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị để thực hiện hợp đồng nhà thầu và hàng hoá, dịch vụ để phục vụ cho tiêu dùng nội bộ, tiêu dùng các khoản không thuộc hạng mục, công việc mà Nhà thầu nước ngoài thực hiện theo hợp đồng nhà thầu thì giá trị hàng hoá, dịch vụ này không được trừ khi xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhà thầu nước ngoài.

c) Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp trực tiếp thì Bên Việt Nam khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế tương ứng với ngành, nghề kinh doanh mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài đó thực hiện theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ. Nhà thầu phụ nước ngoài không phải khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên phần giá trị công việc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại hợp đồng nhà thầu phụ ký với Nhà thầu nước ngoài mà Bên Việt Nam đã khai nộp thay.

d) Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với trường hợp cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải là toàn bộ tiền cho thuê. Trường hợp doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải bao gồm các chi phí do bên cho thuê trực tiếp chi trả như bảo hiểm phương tiện, bảo dưỡng, chứng nhận đăng kiểm, người điều khiển phương tiện, máy móc và chi phí vận chuyển máy móc, thiết bị từ nước ngoài đến Việt Nam thì doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp không bao gồm các khoản chi phí này nếu có chứng từ thực tế chứng minh.

d) Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng hàng không nước ngoài là doanh thu bán vé hành khách, vận đơn hàng không và các khoản thu khác (trừ những khoản thu hộ Nhà nước hoặc tổ chức theo quy định của pháp luật) tại Việt Nam cho việc vận chuyển hành khách, hàng hóa và đối tượng vận chuyển khác được thực hiện trên các chuyến bay của chính hãng hàng không hoặc liên danh.

e) Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp của hãng vận tải biển nước ngoài là toàn bộ tiền cước thu được từ hoạt động vận chuyển hành khách, vận chuyển hàng hoá và các khoản phụ thu khác mà hãng vận tải biển được hưởng từ cảng xếp hàng của Việt Nam đến cảng cuối cùng bốc dỡ hàng hoá đó (bao gồm cả tiền cước của các lô hàng phải chuyển tải qua các cảng trung gian) và/hoặc tiền cước thu được do vận chuyển hàng hoá giữa các cảng Việt Nam.

Tiền cước vận chuyển làm căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp không bao gồm tiền cước đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại cảng Việt Nam đối với chủ tàu nước ngoài và tiền cước trả cho doanh nghiệp vận tải Việt Nam do đã tham gia vận chuyển hàng từ cảng Việt Nam đến một cảng trung gian.

g) Đối với dịch vụ giao nhận, kho vận quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được không bao gồm cước vận chuyển quốc tế phải trả cho hãng vận chuyển (hàng không, đường biển).

h) Đối với dịch vụ chuyển phát quốc tế từ Việt Nam đi nước ngoài (không phân biệt người gửi hay người nhận trả tiền dịch vụ), doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ doanh thu Nhà thầu nước ngoài nhận được.

i) Đối với dịch vụ tổ chức nước ngoài cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số ở nước ngoài thì tổ chức quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng số có nghĩa vụ nộp thay cho tổ chức nước ngoài khi kê khai nộp thuế.

Trường hợp tổ chức nước ngoài đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần doanh thu thực hưởng của tổ chức nước ngoài thì doanh thu tính thuế của kênh thương mại điện tử và các nền tảng số ở nước ngoài không bao gồm phần doanh thu mà tổ chức nước ngoài đã nộp.

k) Đối với dịch vụ tài chính phái sinh là chênh lệch giá trị giữa cơ sở và giá trị thực hiện thỏa thuận phái sinh.

l) Đối với dịch vụ chứng khoán phái sinh thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Tỷ lệ % để tính thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu áp dụng đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại

khoản 2 Điều 11 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Đối với các hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ bao gồm nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau, việc áp dụng tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế khi xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ vào doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với từng hoạt động kinh doanh do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại hợp đồng. Trường hợp không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì áp dụng tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với ngành, nghề kinh doanh có tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp cao nhất cho toàn bộ giá trị hợp đồng.

Riêng đối với hoạt động xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị đi kèm công trình xây dựng: Trường hợp hợp đồng nhà thầu tách riêng giá trị từng hoạt động kinh doanh thì từng phần giá trị công việc theo hợp đồng được áp dụng tỷ lệ % thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu tương ứng với hoạt động kinh doanh đó. Trường hợp hợp đồng nhà thầu không tách riêng giá trị từng hoạt động kinh doanh thì tỷ lệ % thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế là 2% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với các Nhà thầu phụ để giao lại toàn bộ các phần giá trị công việc hoặc hạng mục có bao thầu nguyên vật liệu hoặc máy móc, thiết bị, Nhà thầu nước ngoài chỉ thực hiện phần giá trị dịch vụ còn lại theo hợp đồng nhà thầu thì tỷ lệ % thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng đối với ngành, nghề dịch vụ (5%).

c) Đối với hợp đồng cung cấp máy móc, thiết bị có kèm theo các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, nếu tách riêng được giá trị máy móc, thiết bị và giá trị các dịch vụ thì tính thuế theo tỷ lệ thuế riêng của từng phần giá trị hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không tách riêng được giá trị máy móc, thiết bị và giá trị các dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu tính thuế là 2%.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền bồi thường thu được từ bên đối tác vi phạm hợp đồng đối với trường hợp khoản thu bồi thường lớn hơn giá trị thiệt hại, có thu nhập chịu thuế:

Đối với khoản thu nhập từ tiền bồi thường thiệt hại thu được, nhà thầu nước ngoài được lựa chọn khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu tính thuế hoặc trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí với thuế suất là thuế suất phổ thông.

8. “Hợp đồng nhà thầu” quy định tại Thông tư này là hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài và Bên Việt Nam. “Hợp đồng nhà thầu phụ” quy định tại Thông tư này là hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết giữa Nhà thầu phụ và Nhà thầu nước ngoài, trong đó, Nhà thầu phụ gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam.

9. Tổ chức nước ngoài thuộc điểm b1 khoản 1 Điều 2 Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thuế theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư này trong trường hợp không đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

- Có cơ sở thường trú tại Việt Nam.
- Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

Bên Việt Nam mua hàng hóa, dịch vụ từ tổ chức nước ngoài nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều này.

Điều 8. Hồ sơ xác định thời điểm hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư đã đăng ký đối với dự án đầu tư mở rộng quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

Khi bắt đầu thực hiện dự án đầu tư mở rộng, doanh nghiệp thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp về số vốn đầu tư đăng ký, dự kiến thời điểm hoàn thành số vốn đầu tư đăng ký. Việc thông báo được thực hiện khi nộp tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp gần nhất với thời điểm thực hiện dự án đầu tư mở rộng. Trường hợp trong quá trình thực hiện dự án đầu tư mở rộng nếu doanh nghiệp có thay đổi về số vốn đầu tư đã đăng ký hoặc về thời điểm hoàn thành thì doanh nghiệp thông báo lại với cơ quan thuế. Mẫu thông báo theo Mẫu số 03/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này.

Việc xác định thời điểm hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký dựa theo chỉ tiêu nguyên giá tổng tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm hoàn thành dự án đầu tư mở rộng. Trong thời gian doanh nghiệp chưa hoàn thành giải ngân số vốn đầu tư theo thời hạn đã thông báo thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế cho dự án đầu tư mở rộng.

Điều 9. Mẫu Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Doanh nghiệp lập Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo Mẫu số 03-6/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Thông tư này thay thế:

a) Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

4. Bãi bỏ quy định tại:

a) Điều 7, Điều 10, Điều 13 và Điều 16 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

b) Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế.

c) Chương I Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế.

d) Điều 5 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế.

đ) Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị người nộp thuế phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Chi cục Thuế, Chi cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước các khu vực;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

Mẫu số: 01/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
.../2025/TT-BTC của Bộ Tài
chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÀI TRỢ

Chúng tôi gồm có:

Tên doanh nghiệp (Nhà tài trợ):

Địa chỉ: Số điện thoại:

Mã số thuế:

Tên Cơ quan, tổ chức, cá nhân (Bên nhận tài trợ; **cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ**):

Địa chỉ: Số điện thoại:

Mã số thuế (nếu có):

Cùng xác nhận (tên Nhà tài trợ) đã tài trợ cho (Bên nhận tài trợ) nhằm mục đích:

- Tài trợ cho giáo dục, y tế, văn hóa ☐.
- Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh ☐.
- Làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật ☐.
- Tài trợ theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ☐.
- Tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt ☐.
- Tài trợ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ☐.

Với tổng giá trị của khoản tài trợ là

Bằng tiền:

Hiện vật: quy ra trị giá VND:

Giấy tờ có giá quy ra trị giá VND

(kèm theo các chứng từ liên quan khác của khoản tài trợ).

(Tên Bên nhận tài trợ; cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) cam kết sử dụng đúng mục đích của khoản tài trợ. Trường hợp sử dụng sai mục đích, Bên nhận tài trợ ký tên dưới đây xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Biên bản này được lập vào hồi... tại ngày ... tháng... năm và được lập thành bản như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

**Bên nhận tài trợ; cơ quan, tổ chức
có chức năng huy động tài trợ**
(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ và tên trong trường
hợp là cá nhân)

Nhà tài trợ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số: 02/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
.../2025/TT-BTC của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN**

(Ngày tháng năm)

- Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:.....

- Người phụ trách thu mua:

Ngày tháng năm mua hàng	Người bán			Hàng hóa, dịch vụ mua vào				Ghi chú
	Tên người bán	Địa chỉ	Số căn cước công dân	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng, trọng lượng	Đơn giá	Tổng giá thanh toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9

- Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào:.....

Ngày tháng năm...

Người lập bảng kê

**Người đại diện hoặc người được
ủy quyền của doanh nghiệp**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Căn cứ vào số thực tế các hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp mua của người bán không có hóa đơn, lập bảng kê khai theo thứ tự thời gian mua, doanh nghiệp ghi đầy đủ các chỉ tiêu trên bảng kê, tổng hợp bảng kê hàng tháng.

- Đối với doanh nghiệp có tổ chức các trạm thu mua ở nhiều nơi thì từng trạm thu mua phải lập từng bảng kê riêng. Doanh nghiệp lập bảng kê tổng hợp chung của các trạm.

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
.../2025/TT-BTC của Bộ Tài
chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỞ RỘNG
Thông báo lần đầu/lần...

Kính gửi:[1]

Tên người nộp thuế:[2].....

Mã số thuế:[3].....

Địa chỉ:.....

Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Tên dự án đầu tư đang hoạt động: [4].....

Người nộp thuế xin thông báo thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nội dung cụ thể như sau:

- Số vốn đầu tư đăng ký:...

- Dự kiến thời điểm hoàn thành số vốn đầu tư đăng ký:...

Người nộp thuế xin thông báo./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ[5]

[1] Điền tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

[2] Điền đầy đủ tên người nộp thuế.

[3] Điền mã số thuế của người nộp thuế.

[4] Tên dự án đầu tư đang hoạt động mà người nộp thuế sẽ thực hiện mở rộng đầu tư theo Thông báo này.

[5] Ghi chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử